Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-21 11:01:59 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (sau đây gọi tắt là cơ sở ươm tạo).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Ươm tạo công nghệ chiến lược là quá trình hỗ trợ tạo ra, hoàn thiện và thương mại hóa công nghệ chiến lược từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu

khoa học hoặc từ công nghệ chiến lược chưa hoàn thiện thông qua hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

2. *Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ chiến lược* là quá trình hỗ trợ hình thành, phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược thông qua hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

Điều 3. Thành lập và chứng nhận cơ sở ươm tạo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập cơ sở ươm tạo theo quy định của pháp luật. Việc xác định quy mô cơ sở ươm tạo do tổ chức, cá nhân thực hiện theo nhu cầu và năng lực hiện có.

2. Tổ chức, cá nhân được thành lập cơ sở ươm tạo dưới hình thức đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật, theo mô hình độc lập hoặc mô hình kết hợp, liên kết với các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, quỹ đầu tư và các tổ chức khác có liên quan.

3. Các cơ sở ươm tạo đáp ứng tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này có thể đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo làm căn cứ áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chí, điều kiện để cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo

1. Tiêu chí, điều kiện chung

a) Là tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Có phương án tài chính khả thi, bao gồm nguồn vốn tự có, vốn huy động hợp pháp hoặc cam kết tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, bảo đảm khả năng vận hành bộ máy và duy trì hoạt động hỗ trợ ươm tạo trong thời gian tối thiểu 02 (hai) năm liên tục.

c) Có địa điểm đặt trụ sở hợp pháp phù hợp với quy mô cơ sở ươm tạo; có thỏa thuận hợp tác với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có).

d) Có hệ thống quản lý chất lượng nội bộ bao gồm các quy trình tiếp nhận, đánh giá, theo dõi và hỗ trợ phù hợp với hoạt động ươm tạo, được xây dựng và áp dụng thực tế.

đ) Có hạ tầng số đồng bộ; bảo đảm năng lực vận hành nền tảng quản trị nội bộ và khả năng kết nối dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

e) Có đội ngũ quản lý cơ hữu tối thiểu 03 (ba) người, trong đó ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên có trình độ đại học trở lên.

g) Có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn có trình độ đại học trở lên trong chuyên ngành phù hợp với công nghệ/doanh nghiệp ươm tạo và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đó, hợp đồng tư vấn có thời hạn từ 24 tháng trở lên.

h) Có kế hoạch, giải pháp và lộ trình thực hiện hoạt động ươm tạo rõ ràng, trong đó xác định cụ thể các mốc kiểm soát chất lượng đầu vào và đánh giá kết quả đầu ra của dự án, được lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

2. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược

a) Công nghệ được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Có mạng lưới chuyên gia tư vấn phù hợp về công nghệ ươm tạo, sở hữu trí tuệ đã ký thỏa thuận hợp tác với cơ sở ươm tạo.

c) Có quyền tiếp cận và sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm hoặc cơ sở nghiên cứu và phát triển được trang bị các thiết bị bảo đảm cho hoạt động ươm tạo, thông qua một trong các hình thức: sở hữu trực tiếp, thuê dài hạn, hợp tác liên kết hoặc sử dụng dịch vụ từ tổ chức khác có đủ năng lực.

d) Đối với cơ sở ươm tạo công nghệ chiến lược, các phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.

3. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

a) Doanh nghiệp được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược là doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Có không gian làm việc chung, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm và các tiện ích phụ trợ bảo đảm phù hợp với loại hình, quy mô của cơ sở ươm tạo.

c) Có mạng lưới chuyên gia tư vấn đa lĩnh vực (công nghệ, pháp lý, sở hữu trí tuệ, tài chính, marketing, quản trị doanh nghiệp, chuỗi cung ứng, hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài) thông qua các thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng cộng tác viên. Các chuyên gia có thể là cá nhân hành nghề độc lập, thuộc tổ chức tư vấn chuyên nghiệp hoặc giảng viên, nhà nghiên cứu có hợp đồng làm việc phù hợp.

d) Có quyền sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, phòng thử nghiệm, khu sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị bảo đảm cho hoạt động ươm tạo.

đ) Đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ chiến lược thì hệ thống phòng thử nghiệm sản phẩm công nghệ chiến lược được sử dụng phải có hệ thống

quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.

Điều 5. Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo

1. Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) là văn bản do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cơ sở ươm tạo đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt cơ sở ươm tạo là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận (sau đây gọi là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

4. Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực, hồ sơ đề nghị, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư này, hiệu lực của Giấy chứng nhận cấp lại là 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

1. Bản chính Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Biểu B1a-TCCSUT hoặc Biểu B1b-CNCSUT ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đề nghị chứng nhận theo quy định của pháp luật.

3. Bản chính Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này theo Biểu B2-TMCSUT ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bản chính Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng với cơ sở ươm tạo từ 24 tháng trở lên theo Biểu B3a-LLKH và Bản chính danh sách các chuyên gia ký thỏa thuận hợp tác theo Biểu B3b-DSCG ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Văn bản chứng minh nguồn lực tài chính là bản chính hoặc bản sao có chứng thực theo quy định

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện hoạt động ươm tạo.

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện hoạt động ươm tạo.

c) Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện hoạt động ươm tạo.

6. Trường hợp sử dụng trang thiết bị, máy móc của các đơn vị liên kết, phải kèm theo Bản chính văn bản chứng minh khả năng liên kết.

7. Bản chính Văn bản thỏa thuận hợp tác của cơ sở ươm tạo với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có).

8. Tổ chức có nhu cầu đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo lập 01 bộ hồ sơ được ký số hoặc số hóa từ bản giấy gửi về Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận

1. Tổ chức/cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này, thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. Đối với hồ sơ nộp thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn).

5. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức họp Hội đồng tư vấn để thẩm định, đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí, điều kiện của cơ sở ươm tạo.

6. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định của Hội đồng tư vấn:

a) Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận theo Biểu B4-GCN và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trả trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; đồng thời cập nhật thông tin công khai lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

b) Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

Trước khi tiến hành phiên họp thẩm định, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với đại diện Hội đồng tư vấn (Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện do Hội đồng tư vấn cử) tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở ươm tạo trong các trường hợp sau đây: nội dung thuyết minh trong hồ sơ cần được làm rõ thêm về năng lực hạ tầng và trang thiết bị; hoặc cần xác định tính xác thực hoặc tính toàn vẹn của các tài liệu minh chứng trong hồ sơ; hoặc cơ sở lần đầu đề nghị cấp Giấy chứng nhận trong lĩnh vực công nghệ chiến lược để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật đặc thù.

7. Tổng thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận không quá 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 8. Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo

1. Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thư ký, 02 thành viên làm Ủy viên phản biện và các thành viên khác. Hội đồng tư vấn có ít nhất một phần hai (1/2) thành viên là các chuyên gia có uy tín, có chuyên môn phù hợp, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực được giao tư vấn. Các thành viên còn lại là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách và doanh nghiệp.

Đối với các hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận liên quan đến công nghệ được xác định có tính chất lưỡng dụng, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm mời đại diện của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng tham gia Hội đồng tư vấn với tư cách thành viên hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ này trước khi xem xét cấp Giấy chứng nhận.

2. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau

a) Phương thức họp trực tiếp.

b) Phương thức họp trực tuyến.

c) Phương thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Phiên họp của Hội đồng tư vấn được thực hiện khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng tư vấn, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp (Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng tư vấn theo Biểu B5-GUQ) và có đủ 02 Ủy viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của các thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo. Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mời thêm chuyên gia ngoài Hội đồng tư vấn để tham gia đánh giá hồ sơ.

b) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan. Các thành viên của Hội đồng tư vấn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trung thực, khách quan, công bằng, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến thẩm định của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận của Hội đồng tư vấn.

4. Trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Hội đồng tư vấn phân công 01 Ủy viên làm thư ký Hội đồng tư vấn để ghi chép ý kiến của các thành viên, biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn và các văn bản khác có liên quan.

b) Các Ủy viên phản biện trình bày ý kiến, nhận xét về từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ được giao tư vấn; đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí, điều kiện của cơ sở ươm tạo theo quy định.

c) Hội đồng tư vấn thảo luận, góp ý về từng tiêu chí, điều kiện đánh giá liên quan đến hồ sơ được giao tư vấn. Trong trường hợp mời chuyên gia ở ngoài Hội đồng tư vấn, sau khi trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng tư vấn, các chuyên gia không tiếp tục dự phiên họp của Hội đồng tư vấn.

d) Hội đồng tư vấn bầu Ban kiểm phiếu (gồm 03 thành viên, trong đó có một Trưởng ban).

đ) Hội đồng tư vấn thống nhất kết quả thẩm định: Đồng ý với yêu cầu của hồ sơ khi có trên ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt tại phiên họp bỏ phiếu "Đồng ý"; Không đồng ý với yêu cầu của hồ sơ khi có dưới ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt tại phiên họp bỏ phiếu "Không đồng ý". Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn được lập thành biên bản và có chữ ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

Phiếu đánh giá của Hội đồng tư vấn theo Biểu B6-PĐG, biên bản của Hội đồng tư vấn theo Biểu B7-BBHĐ ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Kinh phí phục vụ công tác thẩm định hồ sơ được bảo đảm từ ngân sách địa phương trong dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm giao cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 9. Cấp lại Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp sau đây

a) Giấy chứng nhận bị mất hoặc hư hỏng;

b) Có thay đổi thông tin hành chính của cơ sở ươm tạo (tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật hoặc các thông tin hành chính khác) mà không làm thay đổi bản chất, phạm vi và nội dung hoạt động ươm tạo đã được chứng nhận.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Biểu B8a-TCCLCSUT hoặc Biểu B8b-CNCLCSUT ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp thông tin, giấy tờ liên quan đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, cơ sở ươm tạo không phải nộp lại.

3. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận:

a) Cơ sở ươm tạo gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này, thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

d) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, cấp lại và trả Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trả trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, đồng thời cập nhật thông tin lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

đ) Việc cấp lại Giấy chứng nhận trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này không thực hiện thẩm định lại các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này.

e) Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Giấy chứng nhận được cấp lại có thời hạn hiệu lực bằng thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó.

5. Tổng thời gian thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 10. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận, cơ sở ươm tạo không hoạt động.

b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận có hành vi giả mạo, gian lận.

c) Vi phạm một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 10 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15.

d) Trong quá trình hoạt động, cơ sở ươm tạo không duy trì việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này mà không khắc phục được trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có văn bản nhắc nhở của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Theo yêu cầu hoặc quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận được thông báo bằng văn bản cho cơ sở ươm tạo, cơ quan quản lý trực tiếp của cơ sở ươm tạo (nếu có), các cơ quan liên quan, đồng thời được cập nhật lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả hoạt động (tính đến ngày 15 tháng 12 hằng năm) về Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (theo Biểu B9-BCĐK) thông qua Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chịu trách nhiệm như sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, giám sát việc duy trì điều kiện hoạt động của các cơ sở ươm tạo.

b) Cập nhật, điều chỉnh danh sách các cơ sở ươm tạo trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Điều 12. Điều khoản thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 8 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Các giấy chứng nhận được cấp theo quy định tại Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN còn thời hạn sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn theo Giấy chứng nhận.

5. Đối với hồ sơ hợp lệ đề nghị cấp các giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, hướng dẫn bổ sung.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

Phụ lục

Biểu mẫu quy định tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Danh sách các biểu mẫu
1	Biểu B1a-TCCSUT: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
2	Biểu B1b-CNCSUT: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
3	Biểu B2-TMCSUT: Thuyết minh năng lực cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
4	Biểu B3a-LLKH: Lý lịch khoa học của Chuyên gia tư vấn
5	Biểu B3b-DSCG: Danh sách Chuyên gia tư vấn
6	Biểu B4-GCN: Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
7	Biểu B5-GUQ: Giấy ủy quyền
8	Biểu B6-PĐG: Phiếu đánh giá của thành viên hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
9	Biểu B7-BBHĐ: Biên bản họp hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
10	Biểu B8a-TCCLCSUT: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
11	Biểu B8b-CNCLCSUT: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược
12	Biểu B9-BCĐK: Báo cáo kết quả hoạt động định kỳ hàng năm

Biểu B1a-TCCSUT
..../2026/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*....., ngày.... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[1]

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…

1. Thông tin chung:

- Tên tổ chức đề nghị:

- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

- Địa chỉ liên hệ:

- Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo:

- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ươm tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

3. Hồ sơ gồm:

(1) Bản chính đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Biểu B1a-TCCSUT).

(2) Bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đề nghị chứng nhận theo quy định của pháp luật.

(3) Bản chính Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 của Thông tư này (Biểu B2-TMCSUT).

(4) Bản chính Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng với cơ sở ươm tạo từ 24 tháng trở lên theo Biểu B3a-LLKH và Bản chính danh sách các chuyên gia ký thỏa thuận hợp tác theo Biểu B3b-DSCG**.**

(5) Văn bản chứng minh nguồn lực tài chính là bản chính hoặc bản sao có

[1] Tổ chức có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

chứng thực theo quy định:

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện hoạt động ươm tạo;

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện hoạt động ươm tạo;

c) Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện hoạt động ươm tạo.

(6) Trường hợp sử dụng trang thiết bị, máy móc của các đơn vị liên kết, phải kèm theo Bản chính văn bản chứng minh khả năng liên kết.

(7) Bản chính Văn bản thỏa thuận hợp tác của cơ sở ươm tạo với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có).

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của các nội dung kê khai, tài liệu trong hồ sơ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu B1b-CNCSUT
..../2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[2]

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…

1. Thông tin chung:

- Tên cá nhân đề nghị:

- Mã định danh: (Số định danh cá nhân/CCCD/Hộ chiếu)

- Địa chỉ liên hệ:

- Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo:

- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ươm tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

3. Hồ sơ gồm:

(1) Bản chính Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Biểu B1b-CNCSUT).

(2) Bản sao có chứng thực căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (còn giá trị ít nhất 12 tháng).

(3) Bản chính Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 của Thông tư này (Biểu B2-TMCSUT).

(4) Bản chính Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng với cơ sở ươm tạo từ 24 tháng trở lên theo Biểu B3a-LLKH và Bản chính danh sách các chuyên gia ký thỏa thuận hợp tác theo Biểu B3b-DSCG**.**

(5) Văn bản chứng minh nguồn lực tài chính là bản chính hoặc bản sao có chứng thực theo quy định:

[2] Cá nhân có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện hoạt động ươm tạo;

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện hoạt động ươm tạo;

c) Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện hoạt động ươm tạo.

(6) Trường hợp sử dụng trang thiết bị, máy móc của các đơn vị liên kết, phải kèm theo Bản chính văn bản chứng minh khả năng liên kết.

(7) Bản chính Văn bản thỏa thuận hợp tác của cơ sở ươm tạo với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có).

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của các nội dung kê khai, tài liệu trong hồ sơ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

ĐẠI DIỆN CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Biểu B2-TMCSUT
..../2026/TT-BKHCN

THUYẾT MINH NĂNG LỰC CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[3]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở ươm tạo: (Ghi đầy đủ tên tiếng Việt, tên viết tắt và tên tiếng nước ngoài nếu có).

2. Loại hình tổ chức: (Công lập/Ngoài công lập/Có vốn đầu tư nước ngoài).

3. Mã số doanh nghiệp/Mã định danh: (Đảm bảo tính duy nhất để đồng bộ dữ liệu quốc gia).

4. Địa điểm đặt trụ sở: .....

4.1. Thuyết minh tính gắn kết địa lý và chuyên môn với các trường đại học, viện nghiên cứu hoặc khu công nghệ cao.

4.2. Tổng diện tích mặt bằng:

4.3. Lĩnh vực công nghệ/sản phẩm trọng tâm: (Ghi rõ theo Danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành)

II. GIẢI TRÌNH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí, điều kiện chung

a) Tư cách pháp nhân: Là tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Phương án tài chính: Giải trình phương án tài chính khả thi (vốn tự có, vốn huy động hoặc cam kết tài trợ), đảm bảo vận hành bộ máy và duy trì hoạt động hỗ trợ ươm tạo liên tục trong tối thiểu 02 năm.

c) Địa điểm và hợp tác: Mô tả địa điểm đặt trụ sở hợp pháp phù hợp quy mô; đính kèm các thỏa thuận hợp tác với cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo để phục vụ hoạt động ươm tạo.

d) Hệ thống quản lý: Mô tả hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, bao gồm các quy trình: tiếp nhận, đánh giá, theo dõi và hỗ trợ dự án ươm tạo đã được xây dựng và áp dụng thực tế.

[3] Thuyết minh năng lực của cơ sở ươm tạo đối với một hoặc nhiều hoạt động ươm tạo nêu trên.

đ) Hạ tầng số: Giải trình về hạ tầng số đồng bộ, năng lực vận hành nền tảng quản trị nội bộ và khả năng kết nối dữ liệu với nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

e) Đội ngũ quản lý: Liệt kê đội ngũ quản lý cơ hữu (tối thiểu 03 người), đảm bảo ít nhất 2/3 thành viên có trình độ đại học trở lên.

g) Chuyên gia tư vấn: Thông tin về ít nhất 01 chuyên gia tư vấn có trình độ đại học trở lên, có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp và có hợp đồng tư vấn từ 24 tháng trở lên.

h) Kế hoạch và lộ trình: Thuyết minh kế hoạch, lộ trình ươm tạo rõ ràng, xác định cụ thể các mốc kiểm soát chất lượng đầu vào và đánh giá kết quả đầu ra đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

2. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược

a) Danh mục công nghệ thực hiện ươm tạo: Giải trình chi tiết các công nghệ đang và sẽ thực hiện ươm tạo. Các công nghệ này phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Mạng lưới chuyên gia tư vấn:

- Thuyết minh về mạng lưới chuyên gia có chuyên môn sâu về công nghệ ươm tạo và sở hữu trí tuệ.

- Cung cấp thông tin về các thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng cộng tác viên đã ký kết với các chuyên gia (có thể là cá nhân độc lập, thuộc tổ chức tư vấn hoặc giảng viên, nhà nghiên cứu).

c) Cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật:

- Chứng minh quyền sở hữu trực tiếp, thuê dài hạn, hợp tác liên kết hoặc sử dụng dịch vụ từ bên thứ ba đối với hệ thống cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm hoặc cơ sở nghiên cứu và phát triển.

- Giải trình về các thiết bị thiết yếu được trang bị, đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật để triển khai hoạt động ươm tạo đối với từng loại hình công nghệ cụ thể.

- Đính kèm các văn bản thỏa thuận hợp tác với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo để làm rõ khả năng tiếp cận hạ tầng kỹ thuật.

d) Tiêu chuẩn đối với ươm tạo công nghệ chiến lược: Riêng đối với hoạt động ươm tạo công nghệ chiến lược, hệ thống phòng thí nghiệm và phòng thử nghiệm được sử dụng phải có hệ thống quản lý năng lực đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.

3. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

a) Sản phẩm mục tiêu: Doanh nghiệp được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược là doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Có không gian làm việc chung, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm và các tiện ích phụ trợ bảo đảm phù hợp với loại hình, quy mô của cơ sở ươm tạo.

c) Có mạng lưới chuyên gia tư vấn đa lĩnh vực (công nghệ, pháp lý, sở hữu trí tuệ, tài chính, marketing, quản trị doanh nghiệp, chuỗi cung ứng, hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài) thông qua các thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng cộng tác viên. Các chuyên gia có thể là cá nhân hành nghề độc lập, thuộc tổ chức tư vấn chuyên nghiệp hoặc giảng viên, nhà nghiên cứu có hợp đồng làm việc phù hợp.

d) Có quyền sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, phòng thử nghiệm, khu sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị bảo đảm cho hoạt động ươm tạo.

đ) Đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ chiến lược thì hệ thống phòng thử nghiệm sản phẩm công nghệ chiến lược được sử dụng phải có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú
1				
2				
…				

IV. DỰ KIẾN SẢN PHẨM VÀ ĐÓNG GÓP

1. Dạng kết quả dự kiến

Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các sản phẩm khác.

2. Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra

STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
2						
…						

V. ĐÓNG GÓP CỦA CƠ SỞ ƯƠM TẠO

- Đối với khoa học và công nghệ
- Đối với kinh tế - xã hội

....., ngày... tháng... năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu B3a-LLKH
..../2026/TT-BKHCN

LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CHUYÊN GIA TƯ VẤN[4]

1. Họ và tên:
2. Ngày/tháng/năm sinh: Nam/Nữ: 3. Số định danh cá nhân/CCCD:
4. Chức danh/Học hàm: Học vị:
5. Chức danh nghề nghiệp[5]: Chức vụ:
6. Điện thoại: E-mail: 7. Địa chỉ:
8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký chuyên gia tư vấn: Tên tổ chức, cá nhân: Tên người Lãnh đạo: Điện thoại : Địa chỉ:

9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	***Nơi đào tạo***	**Chuyên ngành**	**Năm tốt nghiệp**
Đại học			
Thạc sĩ			
Tiến sĩ			
Sau tiến sĩ			

10. Quá trình công tác

[4] Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký tham gia tư vấn với cơ sở ươm tạo. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.
[5] Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

Thời gian *(Từ năm ... đến năm...)*	***Vị trí công tác***	**Tổ chức công tác**	**Địa chỉ tổ chức**

11. Các công trình công bố chủ yếu

(liệt kê các công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo đăng ký trong 5 năm gần nhất)

TT	**Tên công trình** (*bài báo, công trình...*)	**Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình**	**Nơi công bố** (*tên tạp chí, nhà xuất bản*)	**Năm công bố**

12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

(liệt kê các văn bằng bảo hộ: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng liên quan lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

TT	**Tên, số, nội dung văn bằng bảo hộ**	**Năm cấp văn bằng**

13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn

(liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

TT	***Tên công trình***	**Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng**	**Thời gian**

14. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia

(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

Tên nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	**Thời gian** *(bắt đầu - kết thúc)*	**Thuộc Chương trình** *(nếu có)*	**Tình trạng** *(đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)*

15. Giải thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

TT	**Hình thức và nội dung giải thưởng**	**Năm tặng thưởng**

16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác

(liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CHUYÊN GIA TƯ VẤN[6]
(*Xác nhận và đóng dấu*)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà .... tham gia tư vấn với cơ sở ươm tạo

CHUYÊN GIA TƯ VẤN
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

[6] Nhà khoa học không thuộc tổ chức nào thì không xác nhận.

Biểu B3b-DSCG
...../2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

TT	Họ và tên	Lĩnh vực tư vấn	Đơn vị công tác	Ghi chú
1				
2				
3				
…				

....., ngày....tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu B4-GCN
...../2026/TT-BKHCN

[ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ…]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[7]

Số chứng nhận: /CSUT

- Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao;

- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

CHỨNG NHẬN

Tên tổ chức chủ trì/Cơ sở ươm tạo:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: ..... do ..... cấp ngày ..../..../....

Hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo:

Địa chỉ đặt trụ sở cơ sở ươm tạo:……

Là cơ sở ươm tạo: ……đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…

Số đăng ký:…… /……; Quyển số:……..; ngày……. tháng……. năm……

Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo có giá trị 05 năm kể từ ngày ký.

……, ngày tháng năm……
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[7] Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

Mặt sau Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược/ ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao/ doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Giấy chứng nhận ghi rõ Danh mục công nghệ cao và/hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và/hoặc Danh mục sản phẩm công nghệ cao và/hoặc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Cơ sở ươm tạo được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

a) *Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

b) *Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.*

c) *Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.*

d) *Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.*

Biểu B5-GUQ
...../2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …….. về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo ……., ngày …… tháng …… năm ……, chúng tôi gồm có:

I. BÊN ỦY QUYỀN (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG):

1. Họ và tên: ……Điện thoại:……

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....

4. Đơn vị công tác: .....

5. Địa chỉ: .....

6. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: ..... …….Nơi cấp :……..... Ngày cấp:.....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG):

1. Họ và tên: ……Điện thoại:……...

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....

4. Đơn vị công tác: .....

5. Địa chỉ: .....

6. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu : ..... …….Nơi cấp :……..... Ngày cấp:.....

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Ủy quyền cho Ông/Bà:……. là Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn chủ trì phiên họp Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo.

……

IV. CAM KẾT:

Tôi cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên./.

Bên ủy quyền	**Bên nhận ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Biểu B6-PĐG
...../2026/TT-BKHCN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[8]

1. Họ và tên:

2. Chức vụ:

3. Nơi công tác (tên, địa chỉ, điện thoại, fax):

4. Chức danh trong Hội đồng tư vấn thẩm định:

5. Hội đồng tư vấn thẩm định được thành lập theo Quyết định số…… ngày ... tháng ... năm ... của .....

6. Tên hồ sơ:

7. Loại hình cơ sở ươm tạo:

7.1. Công lập ☐

7.2. Ngoài công lập ☐ 7.3 Có vốn nước ngoài ☐

8. Nội dung thẩm định:

8.1. Tiêu chí, điều kiện chung

TT	Tiêu chí	Tình trạng		
		Đạt	Không đạt	Lý do
a	Là tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.	☐	☐	
b	Có phương án tài chính khả thi, bao gồm nguồn vốn tự có, vốn huy động hợp pháp hoặc cam kết tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, bảo đảm khả năng vận hành bộ máy và duy trì hoạt động hỗ trợ ươm tạo trong thời gian tối thiểu 02 (hai) năm liên tục.	☐	☐	
c	Có địa điểm đặt trụ sở hợp pháp phù hợp	☐	☐	

[8] Thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

	với quy mô cơ sở ươm tạo; có thỏa thuận hợp tác với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có).			
d	Có hệ thống quản lý chất lượng nội bộ bao gồm các quy trình tiếp nhận, đánh giá, theo dõi và hỗ trợ phù hợp với hoạt động ươm tạo, được xây dựng và áp dụng thực tế.	☐	☐	
đ	Có hạ tầng số đồng bộ; bảo đảm năng lực vận hành nền tảng quản trị nội bộ và khả năng kết nối dữ liệu với nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.	☐	☐	
e	Có đội ngũ quản lý cơ hữu tối thiểu 03 (ba) người; trong đó ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên có trình độ đại học trở lên.	☐	☐	
g	Có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn có trình độ đại học trở lên trong chuyên ngành phù hợp với công nghệ/doanh nghiệp ươm tạo và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đó. Hợp đồng tư vấn có thời hạn từ 24 tháng trở lên.	☐	☐	
h	Có kế hoạch, giải pháp và lộ trình thực hiện hoạt động ươm tạo rõ ràng, trong đó xác định cụ thể các mốc kiểm soát chất lượng đầu vào và đánh giá kết quả đầu ra của dự án, được lãnh đạo đơn vị phê duyệt.	☐	☐	

8.2. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược

TT	Tiêu chí	Tình trạng		
		Đạt	Không đạt	Lý do
a	Công nghệ được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.	☐	☐	
b	Có mạng lưới chuyên gia tư vấn phù hợp về công nghệ ươm tạo, sở hữu trí tuệ đã ký	☐	☐	

	thỏa thuận hợp tác với cơ sở ươm tạo.			
c	Có quyền tiếp cận và sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm hoặc cơ sở nghiên cứu và phát triển được trang bị các thiết bị bảo đảm cho hoạt động ươm tạo, thông qua một trong các hình thức: sở hữu trực tiếp, thuê dài hạn, hợp tác liên kết hoặc sử dụng dịch vụ từ tổ chức khác có đủ năng lực.	☐	☐	
d	Đối với cơ sở ươm tạo công nghệ chiến lược, các phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.	☐	☐	

8.3. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

TT	Tiêu chí	Tình trạng		
		Đạt	Không đạt	Lý do
a	Doanh nghiệp được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược là doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.	☐	☐	
b	Có không gian làm việc chung, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm và các tiện ích phụ trợ bảo đảm phù hợp với loại hình, quy mô của cơ sở ươm tạo.			
c	Có mạng lưới chuyên gia tư vấn đa lĩnh vực (công nghệ, pháp lý, sở hữu trí tuệ, tài chính, marketing, quản trị doanh nghiệp, chuỗi cung ứng, hàng rào kỹ thuật và tiêu	☐	☐	

	chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài) thông qua các thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng cộng tác viên. Các chuyên gia có thể là cá nhân hành nghề độc lập, thuộc tổ chức tư vấn chuyên nghiệp hoặc giảng viên, nhà nghiên cứu có hợp đồng làm việc phù hợp.			
d	Có quyền sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, phòng thử nghiệm, khu sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị bảo đảm cho hoạt động ươm tạo.	☐	☐	
đ	Đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ chiến lược thì hệ thống phòng thử nghiệm sản phẩm công nghệ chiến lược được sử dụng phải có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.	☐	☐	

9. Kết quả thẩm định:

- Hồ sơ *(sự đầy đủ, rõ ràng, chính xác):*

- Tiêu chí *(đáp ứng với các tiêu chí theo quy định):*

- Ý kiến khác:

10. Kết luận và kiến nghị:

☐ *Đồng ý cấp Giấy chứng nhận.*

☐ *Không đồng ý cấp Giấy chứng nhận.*

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu B7-BBHĐ
...../2026/TT-BKHCN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức đề nghị chứng nhận (cơ sở ươm tạo):

.....
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định:

Số: ../QĐ-…… ngày…..tháng….năm…

Cơ quan ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ……..

3. Thời gian, địa điểm họp Hội đồng

- Thời gian:……, ngày ……/……/20……..

- Địa điểm:……

4. Thành phần Hội đồng:

- Số thành viên có mặt: ……/…… người

- Số thành viên vắng mặt:… người (danh sách thành viên vắng mặt, nếu có):

.....
.....

5. Đại biểu tham dự họp Hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà ..... là thư ký khoa học của Hội đồng.

B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG *(ghi chép của thư ký khoa học):*

.....
.....

(chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự trong tài liệu kèm theo)

C. BỎ PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: .....
- Hai thành viên: .....

.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký chứng nhận cơ sở ươm tạo trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 8 của Thông tư này, Hội đồng tư vấn thống nhất kết quả thẩm định: Đồng ý với yêu cầu của hồ sơ khi có trên ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt tại phiên họp bỏ phiếu "Đồng ý"; Không đồng ý với yêu cầu của hồ sơ khi có dưới ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt tại phiên họp bỏ phiếu "Không đồng ý". Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn được lập thành biên bản và có chữ ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

D. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

1. Kết luận :

2. Kiến nghị:

.....
.....

Hội đồng đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố **…** xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

THƯ KÝ KHOA HỌC	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Biểu B8a-TCCLCSUT
...../2026/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*……, ngày tháng năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[9]

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…

1. Thông tin chung:

- Tên tổ chức đề nghị:

- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

- Địa chỉ liên hệ:

- Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo:

- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ươm tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

3. Lý do cấp lại:

4. Hồ sơ gồm[10]:

a) Bản chính văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại (Biểu B8a-TCCLCSUT).

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

---

[9] Tổ chức có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

[10] Trường hợp thông tin, giấy tờ liên quan đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, cơ sở ươm tạo không phải nộp lại.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …… xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo theo quy định.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu B8b-CNCLCSUT
...../2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[11]

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…

1. Thông tin chung:

- Tên cá nhân đề nghị:
- Mã định danh: (Số định danh cá nhân/CCCD/Hộ chiếu)
- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo:
- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ươm tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

3. Lý do cấp lại:

4. Hồ sơ gồm[12]:

a) Bản chính văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại (Biểu B8b-CNCLCSUT).

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

---

[11] Cá nhân có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

[12]Trường hợp thông tin, giấy tờ liên quan đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, cơ sở ươm tạo không phải nộp lại.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …… xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo theo quy định.

ĐẠI DIỆN CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu B9-BCĐK
...../2026/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*……, ngày tháng năm 20...*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

(Giai đoạn từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố… (Cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức chủ trì: .....

2. Giấy chứng nhận số: ..... Ngày cấp: .....

3. Địa chỉ trụ sở và địa điểm hoạt động: .....

4. Người đại diện theo pháp luật: ..... Điện thoại: .....

II. TÌNH HÌNH DUY TRÌ TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Báo cáo sự thay đổi hoặc duy trì năng lực theo các quy định tại Điều 4 của Thông tư này:

1. Về hạ tầng kỹ thuật: Diện tích mặt bằng làm việc; tình trạng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm (duy trì chuẩn ISO/IEC 17025 đối với công nghệ chiến lược).

2. Về nhân sự quản lý: Danh sách đội ngũ quản lý cơ hữu (đảm bảo ít nhất 03 người, trình độ chuyên môn phù hợp).

3. Về năng lực tài chính: Giải trình khả năng vận hành bộ máy và duy trì hỗ trợ ươm tạo từ nguồn vốn tự có hoặc huy động hợp pháp.

4. Về hệ thống quản lý: Tình hình áp dụng quy trình tiếp nhận, đánh giá và mốc kiểm soát chất lượng dự án.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ƯƠM TẠO TRONG KỲ BÁO CÁO

1. Ươm tạo công nghệ/doanh nghiệp:

- Số lượng dự án/công nghệ đang ươm tạo (liệt kê danh mục thuộc loại hình công nghệ cao/chiến lược).

- Số lượng doanh nghiệp đang ươm tạo.

2. Hoạt động tư vấn và đào tạo:

- Số giờ tư vấn của mạng lưới chuyên gia đối với từng dự án.

- Các khóa đào tạo chuyên sâu đã tổ chức cho tổ chức, cá nhân ươm tạo.

IV. HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT VÀ HỢP TÁC

- Tình hình thực hiện các thỏa thuận hợp tác với trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao trong và ngoài nước.

- Hiệu quả từ việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật của đơn vị liên kết (nếu có).

V. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Thuận lợi, khó khăn và đề xuất chính sách hỗ trợ.

2. Cam kết của cơ sở: Cam kết các số liệu báo cáo là chính xác, trung thực và được cập nhật đầy đủ trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)